

Tên:

Nghe:

Lớp: S6...



Ngày làm bài: Thứ, ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 2: SPORT – VOCABULARY 1 & PET LISTENING

CLASSWORK

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	special offer (n)	ưu đãi đặc biệt	4	temperature (n)	hiệt độ
2	package holiday (n)	kỳ nghỉ trọn gói	5	overnight (adv)	qua đêm, trong một đêm
3	weather forecast (n)	dự báo thời tiết	6	course (n)	khóa học

*Note: n = noun: danh từ; adv = adverb: trạng từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. TIPS

☒ Step 1: Underline Keywords

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

Cách làm:

- Khi đọc câu hỏi và 3 lựa chọn A/B/C, hãy gạch chân các từ khóa chính – thường là **danh từ, động từ, tính từ mô tả**, vì những loại từ này thường chứa thông tin quan trọng trong câu.
- Từ khóa giúp con biết nội dung cần nghe (what to listen for) và giúp não so sánh thông tin nhanh hơn.

🔍 Ví dụ: How much will the girl pay to buy a new T-shirt?

→ Khi nghe, con cần tập trung vào số tiền mà cô bé sẽ dùng để chi trả cho chiếc áo phông mới.

☒ Step 2: Watch Out for Traps

Mục tiêu: Tránh bị đánh lừa bởi từ giống nhau giữa bài nghe và đáp án, nhưng ngữ cảnh hoặc ý nghĩa lại không khớp.

Cách làm:

- Đề bài thường cố tình đưa từ giống nhau vào câu sai, nhưng nếu nghe kỹ con sẽ thấy ngữ cảnh không phù hợp.
- Đừng chọn đáp án chỉ vì con nghe thấy từ đó – hãy chắc chắn nó trả lời đúng câu hỏi!

🔍 Ví dụ mẫu:

What sport does the girl want to try next week?

- A. Tennis
- B. Basketball
- C. Swimming

🎧 Transcript:

Boy: So, did you enjoy your swimming class yesterday?

Girl: Yeah, it was fun! But I've been doing that every week for months. I want to try something different now.

Boy: Like what?

Girl: I think tennis sounds exciting. I even bought a new racket!

🔍 Phân tích:

- Cả A. Tennis và C. Swimming đều được nhắc đến trong đoạn hội thoại.
- Tuy nhiên, câu hỏi là: “Môn thể thao nào cô bé muốn thử vào tuần sau?”, không phải “Môn thể thao cô bé đã chơi”.
- Nếu con chỉ nghe thấy từ swimming và chọn ngay đáp án C là sai. Vì swimming là môn cô bé đã học trong thời gian qua, chứ không phải môn cô ấy muốn thử.
- Tennis là môn thể thao mới mà cô bé muốn thử trong tuần sau, thậm chí còn nói đã mua vợt mới → Đáp án đúng là A. Tennis.

C. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-pet-test-2-part-1>

PART 1 Questions 1-7

For each question, choose the correct answer.

1. How much will the girl pay to buy a new T-shirt?



A ☐

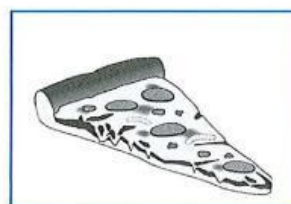


B ☐

2. What food will the boy have?



A ☐

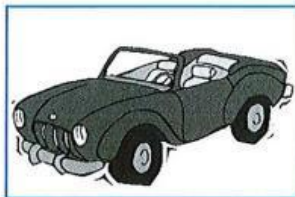


B ☐

3. How will they get to the park?



A ☐



B ☐

4. Where did the boy go on holiday last summer?



A ☐



B ☐

5. What did the girl collect from the shop today?



A ☐



B ☐

6. What will the weather be like on Saturday evening?

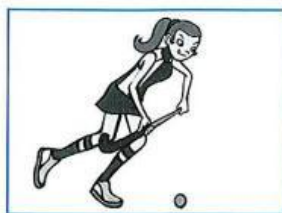


A ☐



B ☐

7. What sport will the girl learn?



A ☐



B ☐

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Từ vựng & Ngữ pháp:

Nghe:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 2: SPORT – VOCABULARY 1 & PET LISTENING

A. VOCABULARY

- Sports

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	gymnastics (n)	thể dục dụng cụ	3	athletics (n)	điền kinh
2	volleyball (n)	bóng chuyền	4	hockey (n)	khúc côn cầu

- Sports equipment

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	shuttlecock (n)	quả cầu lông	5	racquet (n)	vợt (cầu lông, tennis...)
2	goalpost (n)	khung thành/cột gôn	6	goggles (n)	kính bảo hộ (dùng để bơi, trượt tuyết...)
3	net (n)	lưới	7	hockey stick (n)	gậy chơi khúc côn cầu
4	shin pad (n)	miếng bảo vệ ống chân			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	roast (adj)	(thịt) quay, nướng	4	butcher (n)	người bán thịt
2	dessert (n)	món tráng miệng	5	novel (n)	tiểu thuyết
3	sore (adj)	đau, nhức	6	surfboarding (n)	môn lướt sóng có ván

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

***Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

0. We use a _____ to hit the ball in tennis.

A. shuttlecock

B. racquet

C. net

D. shin pad

1. In badminton, you must hit the _____ over the net.

A. hockey stick

B. shuttlecock

C. goalpost

D. goggles

2. Sarah is very good at _____. She can jump, balance, and do flips.

A. hockey

B. volleyball

C. gymnastics

D. pad

3. You should wear _____ to protect your legs when playing football.

A. shin pads

B. goalposts

C. goggles

D. racquets

4. In swimming competitions, many athletes wear _____ to protect their eyes.

A. goggles

B. shin pads

C. net

D. shuttlecock

5. The ball hit the _____ and bounced away, so the team didn't score a goal.

A. hockey stick

B. net

C. racquet

D. goalpost

II. Match to make meaningful sentences.

0. <i>Gymnastics is my favourite</i>	0- <u>b</u>	a. the beach this afternoon.
1. The shuttlecock fell on the	1- ____	b. sport at school.
2. We are playing volleyball on	2- ____	c. stick for the match.
3. You must wear shin	3- ____	d. she goes swimming.
4. She wears goggles when	4- ____	e. ground during the match.
5. He bought a new hockey	5- ____	f. pads to protect your legs.

III. Fill in the blanks with the correct words in the box. Some words may not be used.

hockey	gymnastics	net	shuttlecock	racquet	stick	goalposts	goggles
---------------	-------------------	------------	--------------------	----------------	--------------	------------------	----------------

Last Saturday, our school had a big sports festival. In the morning, the girls' team played (0) hockey against another school and won easily. After that, there was a badminton match. The players hit the (1) _____ back and forth very quickly, making the game exciting to watch.

In the afternoon, we watched the boys' football match. The ball almost hit the (2) _____ several times, but no one scored in the first half. The court was surrounded by a (3) _____ to keep the ball from flying out.

Later, the swimming competition started. All the swimmers wore (4) _____ so they could see clearly underwater. The last event of the day was (5) _____, where students showed their amazing balance and flexibility. Everyone had a great time cheering for their friends.

IV. Read the text about Anna's weekend, then answer the questions in FULL SENTENCES.

Last Saturday, Anna woke up early at 6 a.m. because she had a tennis match with her best friend Mia. They met in front of the sports centre at 7:30 a.m. and went inside to warm up. Anna brought her tennis racquet and a bottle of water, while Mia carried a small bag with two cans of tennis balls.

They played for two hours on the tennis court and took short breaks between games. After the match, they walked to a café near the park for breakfast. Anna ordered pancakes, and Mia had a sandwich. They talked about their summer plans and decided to join a swimming course in August.

In the afternoon, Anna stayed at home and watched a football match on TV. Her favourite team won, so she felt very happy. She went to bed early at 9:30 p.m., ready for another busy day on Sunday.

Questions:

0. Who did Anna play tennis with?

→ Anna played tennis with her best friend Mia.

1. Where did Anna and Mia meet before the match?

→ _____.

2. How long did they play tennis?

→ _____.

3. Where did they go for breakfast after the match?

→ _____.

4. What did Anna watch in the afternoon?

→ _____.

Extra question: What sport do you usually play at the weekend?

→ _____.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

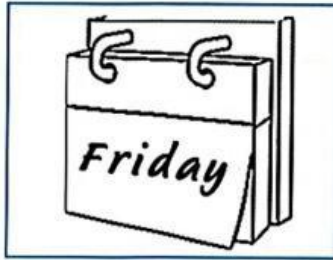
Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-cambridge-a2-key-for-schools-test-2-part-1>

PART 1 Questions 1-5


For each question, choose the correct picture.

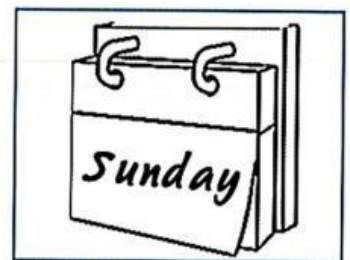
1. When are they going to have lunch at the restaurant?



A



B



C

2. What time will they get the train?



A



B



C

3. How much did Daniel's basketball kit cost?



A



B



C

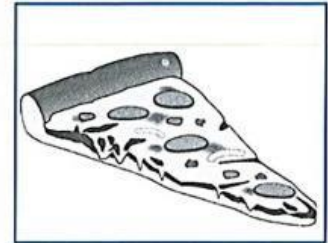
4. What will Raul eat at the cafe?



A



B



C

5. What will Jane wear?



A



B

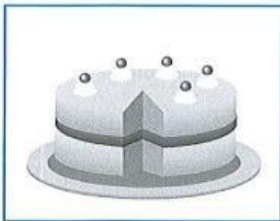


C

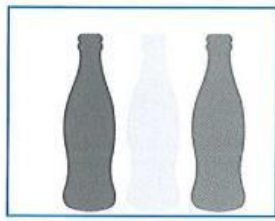
PART 1 Questions 1-7

For each question, choose the correct answer.

1. What will the girl bring to dinner?

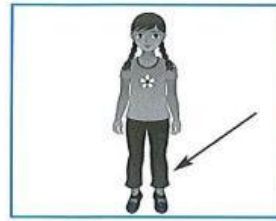


A ☐

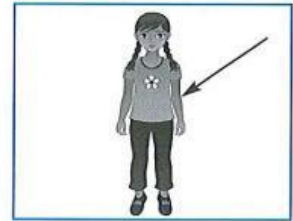


B ☐

2. Where is the girl hurting now?

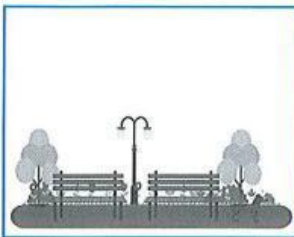


A ☐

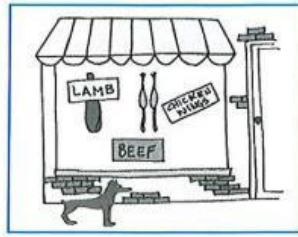


B ☐

3. Where was the dog found?



A ☐



B ☐

4. What programme does the girl want to watch on TV today?



A ☐

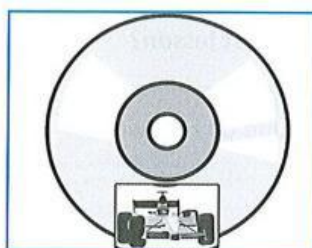


B ☐

5. Which DVD did the boy like most?



A ☐



B ☐

6. Which sport did the girl do for the first time last summer?

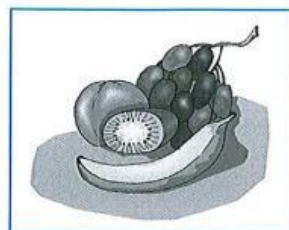


A ☐

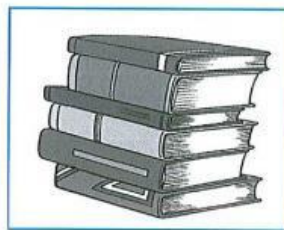


B ☐

7. What can you buy half price today?



A ☐



B ☐